

Số: 117/QĐ-LTT-ĐT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 02 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công nhận đủ điều kiện tốt nghiệp Trung cấp, hệ chính quy
cho học sinh khóa 18T5 (12+1) và 18T6 (12+1N3T)
Đợt xét tháng 01/2020**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG LÝ TỰ TRỌNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Quyết định số 621/QĐ-BGD&ĐT-TCCB ngày 03 tháng 02 năm 2005 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc thành lập Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 1130/QĐ-LĐTBXH ngày 17 tháng 7 năm 2017 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội về việc đổi tên Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh thành Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 1716/QĐ-UBND ngày 04 tháng 4 năm 2011 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc ủy quyền cho Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo quản lý Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Thông tư số 46/2016/TT-BLĐTBXH ngày 28 tháng 12 năm 2016 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành Thông tư quy định về Điều lệ trường cao đẳng;

Căn cứ Quyết định số 196/QĐ-LTT-TC ngày 04 tháng 3 năm 2019 của Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh về việc ban hành “Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường”;

Căn cứ Thông tư số 22/2014/TT-BGD&ĐT ngày 09 tháng 7 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành Quy chế đào tạo Trung cấp chuyên nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 713/QĐ-LTT-ĐT ngày 19 tháng 7 năm 2017 của Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh về ban hành Quy định tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ Trung cấp, Cao đẳng theo phương thức tích lũy tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp tại Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Thông báo số 157/TB-LTT-ĐT ngày 20 tháng 02 năm 2018 về điều kiện dự thi tốt nghiệp và công nhận tốt nghiệp các môn văn hóa; Công nhận tốt nghiệp Trung cấp của học sinh khóa 2018 (12+1, 12+1N3T);

Căn cứ Quyết định số 66/QĐ-LTT-ĐT ngày 03 tháng 02 năm 2020 của Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh về Kiện toàn Hội đồng xét điều kiện dự thi, xét tốt nghiệp cho học sinh Trung cấp khóa 18T2 (1N3T); 18T5 (1N); 18T6 (1N3T); 17T4 (9+3); 19T5 (1N) và các khóa Trung cấp chuyên nghiệp, Trung cấp nghề, Cao đẳng nghề thi lại Năm học 2019 -2020;

Căn cứ biên bản Họp Hội đồng xét tốt nghiệp Trung cấp cho học sinh khóa 18T5 (12+1) và 18T6 (12+1N3T) ngày 13 tháng 02 năm 2020;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tuyển sinh - Đào tạo,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay công nhận đủ điều kiện tốt nghiệp Trung cấp, hệ chính quy cho 34 học sinh khóa 18T5 (12+1) và 18T6 (12+1N3T) như sau:

1. Khóa 18T5 (12+1) : 22 học sinh

2. Khóa 18T6 (12+1N3T): 12 học sinh

(có danh sách kèm theo)

Điều 2. Học sinh đủ điều kiện tốt nghiệp, đã nộp chứng chỉ Tin học và tiếng Anh theo quy định được cấp bằng tốt nghiệp Trung cấp theo quy định hiện hành.

Điều 3. Các học sinh có tên trong danh sách và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. / *huc*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, TS-ĐT.

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



Đinh Văn Đệ

TRƯỜNG CAO ĐẲNG LÝ TỰ TRỌNG
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

DANH SÁCH HỌC SINH KHÓA 18T5 (12+1) VÀ 18T6 (12+1N3T) CÔNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP TRUNG CẤP
ĐỢT XÉT THÁNG 01/2020

(Kèm theo Quyết định số: 117/QĐ-LTT-ĐT ngày 13 tháng 02 năm 2020 của Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh)

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Quê Quán	Lớp học	STC TL	TBC TL	Xếp loại TN	Có Chứng chỉ		Ghi chú
											Tin học (A)	Anh văn (A)	
1	18005628	Lê Xuân	Bình	Nam	12/04/1976	Thanh Hoá	18T5-ĐCN1	41	7,46	Khá	X	X	
2	18005629	Trần Thanh	Đạm	Nam	25/10/1966	Tp. Hồ Chí Minh	18T5-ĐCN1	41	7,43	Khá	X	X	
3	18005630	Lương Trung	Hiếu	Nam	18/06/1968	Nam Định	18T5-ĐCN1	41	7,15	Khá	X	X	
4	18005631	Tiết Đông	Hưng	Nam	01/02/1972	Tp. Hồ Chí Minh	18T5-ĐCN1	41	7,72	Khá	X	X	
5	18005632	Lê Thị Thiên	Hương	Nữ	29/11/1974	Cần Thơ	18T5-ĐCN1	41	7,32	Khá	X	X	
6	18005652	Nguyễn Phi	Khanh	Nam	22/04/1971	Tp. Hồ Chí Minh	18T5-ĐCN1	41	7,93	Khá	X	X	
7	18005633	Nguyễn Thanh	Nhã	Nam	29/04/1969	Bến Tre	18T5-ĐCN1	41	7,55	Khá	X	X	
8	18005634	Nguyễn Tấn	Oai	Nam	30/04/1969	Hà Nội	18T5-ĐCN1	41	6,93	Trung bình	X	X	
9	18005635	Lê Minh	Tâm	Nam	10/10/1982	Tiền Giang	18T5-ĐCN1	41	7,24	Khá	X	X	
10	18005636	Nguyễn Lê	Thắng	Nam	08/02/1968	Đồng Tháp	18T5-ĐCN1	41	7,24	Khá	X	X	
11	18005637	Dương Tường	Thanh	Nam	23/09/1972	Bình định	18T5-ĐCN1	41	6,97	Trung bình	X	X	
12	18005638	Huỳnh Quảng	Thanh	Nam	15/12/1981	Trung Quốc	18T5-ĐCN1	41	7,49	Khá	X	X	
13	18005639	Nguyễn Hữu	Thơ	Nam	23/06/1970	Tiền Giang	18T5-ĐCN1	41	7,20	Khá	X	X	
14	18005804	Lê Hữu	Thông	Nam	10/02/1973	Quảng Trị	18T5-ĐCN1	41	6,93	Trung bình	X	X	
15	18005640	Nguyễn Văn	Thương	Nam	15/08/1979	Trung Quốc	18T5-ĐCN1	41	7,57	Khá	X	X	
16	18005641	Huỳnh Hiền	Triết	Nam	03/12/1978	Trung Quốc	18T5-ĐCN1	41	7,54	Khá	X	X	
17	18005642	Bùi Minh	Trung	Nam	18/07/1985	Tp. Hồ Chí Minh	18T5-ĐCN1	41	6,54	Trung bình	X	X	
18	18005644	Dương Anh	Tú	Nam	13/11/1983	Nam Định	18T5-ĐCN1	41	7,26	Khá	X	X	
19	18005645	Phạm	Tuân	Nam	23/02/1988	Long An	18T5-ĐCN1	41	6,84	Trung bình	X	X	

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Quê Quán	Lớp học	STC TL	TBC TL	Xếp loại TN	Có Chứng chỉ		Ghi chú
											Tin học (A)	Anh văn (A)	
20	18005646	Nguyễn Anh	Tuấn	Nam	07/01/1982	Tiền Giang	18T5-ĐCN1	41	7,83	Khá	X	X	
21	18005647	Trần Thanh	Tuấn	Nam	03/01/1985	Cần Thơ	18T5-ĐCN1	41	7,50	Khá	X	X	
22	18005648	Dương Thanh	Tùng	Nam	28/12/1966	Quảng Bình	18T5-ĐCN1	41	7,80	Khá	X	X	
23	18005649	Trương Ngọc	Ân	Nam	10/07/1978	Long An	18T6-ĐCN1	41	7,62	Khá	X	X	
24	18005650	Nguyễn Bá	Bình	Nam	13/01/1971	Hà Nội	18T6-ĐCN1	41	6,95	Trung bình	X	X	
25	18005588	Thạch Trần Thái	Châu	Nam	06/04/1972	Sóc Trăng	18T6-ĐCN1	41	7,60	Khá	X	X	
26	18005651	Tchao Mỹ	Dinh	Nữ	25/01/1976	Tp. Hồ Chí Minh	18T6-ĐCN1	41	7,20	Khá	X	X	
27	18005653	Lâm Trường	Khánh	Nam	18/09/1974	Sóc Trăng	18T6-ĐCN1	41	6,61	Trung bình	X	X	
28	18005654	Trần Tuấn	Khôi	Nam	28/02/1970	Sóc Trăng	18T6-ĐCN1	41	6,86	Trung bình	X	X	
29	18005655	Nguyễn Khôi	Long	Nam	18/09/1970	Quảng Bình	18T6-ĐCN1	41	7,53	Khá	X	X	
30	18005656	Trần Xuân	Nam	Nam	17/03/1968	Đà Nẵng	18T6-ĐCN1	41	7,76	Khá	X	X	
31	18005657	Nguyễn Huy	Phong	Nam	08/03/1972	Tp. Hồ Chí Minh	18T6-ĐCN1	41	7,02	Khá	X	X	
32	18005658	Lê Minh	Thiên	Nam	18/12/1970	Tp. Hồ Chí Minh	18T6-ĐCN1	41	7,55	Khá	X	X	
33	18005620	Phan Công	Thôi	Nam	23/11/1969	Tp. Hồ Chí Minh	18T6-ĐCN1	41	7,50	Khá	X	X	
34	18005659	Phạm Đắc	Tuân	Nam	02/06/1972	Thái Bình	18T6-ĐCN1	41	7,34	Khá	X	X	

Tổng cộng danh sách có **34** sinh viên.

* Loại **KHÁ** : 26 HS # 76,47 %

* Loại **TRUNG BÌNH** : 08 HS # 23,53 %

Trong đó: Đã có CC Anh văn : 34

Đã có CC Tin học : 34 

